TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **24**/2024/KDTM-PT
Ngày: 29-01-2024.
V/v tranh chấp hợp đồng
hợp tác kinh doanh

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Mai Thị Thanh Tú**

Các Thẩm phán:

1/ Bà Trương Thị Quỳnh Trâm.

2/ Bà Ngô Thị Phúc Hảo

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Hồ Thị Kim Oanh

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*: Bà Trần Thị Thơm– Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án về kinh doanh thương mại thụ lý số: 155/KDTM-PT ngày 01/11/2023 về việc: "Tranh chấp hợp đồng hợp tác kinh doanh".

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 61/2023/KDTM-ST ngày 08 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 967a/2024/QĐPT-KDTM ngày 29/01/2024, giữa các đương sự:

***Nguyên đơn*:** Công ty Cổ phần Tập đoàn B;

Địa chỉ: 20 Li, phường N, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Vĩnh P, sinh năm 1969.

(Đăng ký thay đổi lần thứ 22, ngày 28/12/2023.)

Người đại diện theo ủy quyền:

Ông Bùi Thanh Tường, sinh năm 1974

Địa chỉ liên hệ: 185 T, P.M, quận NH, Thành phố Hồ Chí Minh.

Và/Hoặc:

Ông Phạm Trường S, sinh năm 2001.

Địa chỉ liên hệ: 185 T, phường M, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo Giấy ủy quyền ngày 15/01/2024 của Công ty Cổ phần Tập đoàn B)

Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn RL;

Địa chỉ trụ sở: 304B T, Phường L, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện theo ủy quyền:

Ông Phạm Ngọc Th, sinh năm 1984,

Địa chỉ: 304B T, Phường L, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh

Do có kháng cáo của: Bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn RL

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28/6/2022*, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là Đoàn Đình M và bà Phạm Thị Bích Ph trình bày:*

Vào ngày 12/8/2006, Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu B nay là Công ty Cổ phần Tập đoàn B (gọi tắt là Công ty B) đã ký Hợp đồng kinh tế số 09/HĐKT/2006 (gọi tắt là Hợp đồng 09) với Công ty TNHH Đèn trang trí PH nay là Công ty TNHH RL (gọi tắt là Công ty RL) hợp tác với nhau để đầu tư xây dựng Văn phòng và Phòng trưng bày sản phẩm tại mặt bằng H3 V, phường M, quận Đ thành phố Hà Nội trong thời hạn 15 năm kể từ ngày ký hợp đồng. Để thực hiện thỏa thuận trên, Công ty B tham gia góp vốn bằng quyền khai thác, liên kết, huy động sử dụng mặt bằng có diện tích 193m2 tại H3 V, phường Mi, thành phố Hà Nội, Công ty RL góp vốn toàn bộ nguồn lực huy động vào quá trình kinh doanh trên mặt bằng bao gồm tài sản do Công ty RL chủ động đầu tư xây dựng, thương hiệu, vốn lưu động, thị phần của Công ty RL.

Sau khi ký hợp đồng đến nay, Công ty B đã thực hiện đúng, đầy đủ các nghĩa vụ của mình, cụ thể: Công ty B đã phối hợp với đơn vị chủ quản quản lý khu đất (Cục C) hoàn tất các thủ tục pháp lý về thửa đất; đã bàn giao thửa đất để Công ty RL tiến hành hoàn thiện cơ sở hạ tầng, thanh toán đầy đủ lợi nhuận cố định đối với Cục C. Tuy nhiên, Công ty RL đã không thực hiện đúng và đầy đủ các nghĩa vụ theo Hợp đồng kinh tế đã ký, trong đó Công ty RL vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ thanh toán đối với Công ty B mặc dù Công ty B đã nhiều lần gửi công văn yêu cầu khắc phục vi phạm nhưng Công ty RL viện nhiều lý do, không thanh toán phí sử dụng cơ sở hạ tầng trong thời gian dài cho Công ty B, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ thanh toán theo Điều 5 Hợp đồng kinh tế mà hai bên đã ký kết. Điều này đã ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động kinh doanh và gây thiệt hại nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty B. Mặc dù đến ngày 12/8/2021 Hợp đồng kinh tế giữa hai bên đã hết thời hạn và Công ty B nhiều lần gửi văn bản đề nghị bàn giao mặt bằng nhưng Công

ty RL không hợp tác mà cố tình chiếm dụng mặt bằng để khai thác, sử dụng. Do vậy, để bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của mình Công ty B đề nghị Tòa án nhân dân Quận 10 giải quyết các yêu cầu sau:

1. Tuyên Hợp đồng kinh tế số 09/HĐKT/2006 ngày 12/8/2006 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn B và Công ty TNHH RL hết hiệu lực và buộc Công ty TNHH RL phải hoàn trả lại toàn bộ mặt bằng số 257 đường P (H3 V), phường M, quận Đ, thành phố Hà Nội cho Công ty Cổ phần Tập đoàn B;

2. Buộc Công ty TNHH RL thực hiện nghĩa vụ thanh toán phí sử dụng cơ sở 8.202.393.010 đồng.

3. Rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về việc cho Công ty Cổ phần Tập đoàn B không phải trả lại Công ty TNHH RL số tiền đặt cọc là 480.000.000 đồng.

** Bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn RL có Đại diện theo ủy quyền ông Phạm Ngọc Th trình bày:*

Công ty B là bên vi phạm nghiêm trọng Hợp đồng kinh tế số 09/HĐKT/2006 vì: Công ty RL đã đầu tư xây dựng mặt bằng tại H3 Phố V hơn 10.000.000.000 đồng; xây dựng tòa nhà văn phòng 05 tầng. Thời hạn Hợp đồng: 15 năm; Công ty B không chịu trách nhiệm về lãi lỗ, Công ty B được hưởng lợi nhuận cố định tương đương khoản chi phí sử dụng cơ sở hạ tầng; Phí sử dụng cơ sở hạ tầng: Công ty RL phải trả cho Công ty B 40.000.000 đồng/tháng đồng thời Công ty RL phải đặt cọc trước 12 tháng chi phí. Công ty RL đã thực hiện nghiêm chỉnh các thỏa thuận theo Hợp đồng. Ngược lại, Công ty B đã vi phạm nghiêm trọng Hợp đồng Công ty B đã chiếm mặt bằng, đuổi toàn bộ công nhân viên ra khỏi H3 V. Tại thời điểm này, công ty đang cho Công ty Cổ phần Cơ khí điện G (gọi tắt là Công ty G) thuê lại mặt bằng. Công ty B buộc Công ty G ký hợp đồng và trực tiếp thu tiền của Công ty G trong khi mặt bằng do chúng tôi đầu tư xây dựng. Sự việc được các bên thừa nhận theo Biên bản kiểm tra của Đoàn thanh tra Bộ PH ngày 25/8/2017. Mãi đến tháng 12/2017, Lãnh đạo Tổng Cục C bàn giao lại mặt bằng H3 Phố V cho chúng tôi tiếp tục sử dụng. Sau đó, Công ty G cho rằng đã đặt cọc cho Công ty B 03 tháng, nên họ tiếp tục sử dụng mặt bằng thêm 03 tháng rồi chuyển đi. Như vậy, công ty đã mất thời gian 02 năm không thể sử dụng, kinh doanh mặt bằng.

Mặt khác, dù đã lấy lại mặt bằng và tài sản đầu tư trên đất để tiếp tục kinh doanh; tuy nhiên mặt bằng đã bị phá hủy, thiệt hại nặng nên không thể kinh doanh. Như vậy, khoảng thời gian 02 năm gián đoạn kinh doanh sẽ không được tính vào thời hạn thực hiện Hợp đồng, nên được quyền tiếp tục kinh doanh đến thời điểm năm 2023 theo quy định pháp luật. Yêu cầu khởi kiện buộc Công ty RL thực hiện nghĩa vụ thanh toán phí sử dụng cơ sở hạ tầng và tiền lãi chậm trả là không đúng. Do Công ty B đã có thỏa thuận bồi thường toàn bộ thiệt hại – tạm tính khoảng

10.000.000.000 đồng cho đến nay Công ty B không thực hiện. Công ty Royai Lighting có thiện chí, gửi văn bản đề xuất sẽ thanh toán ½ số tiền sử dụng mặt bằng hàng tháng, còn lại khấu trừ dần số tiền bồi thường nhưng Công ty B vẫn không có phản hồi. Việc tăng giá thuê, tăng bao nhiêu phải có sự thỏa thuận bằng các phụ lục, văn bản của các bên. Công ty B không thể áp đặt mức giá thuê theo các hồ sơ tài liệu nộp Tòa án. Đề nghị bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

** Tại Bản án dân sự sơ thẩm só 61/KDTM-ST ngày 08/9/2023 của Tòa án nhân dân Quận 10 đã tuyên xử:*

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

[1.1] Chấm dứt Hợp đồng kinh tế số 09/HĐKT/2006 ngày 12/8/2006 ký giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn B và Công ty TNHH RL.

[1.2] Công ty TNHH RL thanh toán cho Công ty Cổ phần Tập đoàn B số tiền chia lợi nhuận còn thiếu là 6.309.508.058 đồng và tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ là 1.892.884.952 đồng. Tổng cộng là 8.202.393.010 đồng.

[1.3] Công ty TNHH RL có trách nhiệm bàn giao ngay toàn bộ mặt bằng số 257 đường P (H3 V), phường M, quận Đ, thành phố Hà Nội cho Công ty Cổ phần Tập đoàn B.

- Tiền lợi nhuận vẫn tiếp tục tính cho đến khi Công ty TNHH RL bàn giao mặt bằng cho Công ty Cổ phần Tập đoàn B.

[2] Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần Tập đoàn B đối với số tiền cọc 480.000.000 đồng.

[3] Duy trì Quyết định áp dụng khẩn cấp tạm thời số 02/2023/QĐ-BPKCTT ngày 24/3/2023 của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, lãi chậm thi hành án.

Ngày 14/9/2023 bị đơn kháng cáo bản án sơ thẩm.

**** Tại phiên tòa Phúc thẩm:***

* Đại diện Nguyên đơn - Công ty B yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

* Đại diện bị đơn Công ty RL yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của Bị đơn, hủy bản án sơ thẩm do cấp sơ thẩm không triệu tập Bộ PH vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là thiếu sót, việc nguyên đơn khởi kiện là chưa đủ điều kiện khởi kiện và việc nguyên đơn tăng giá thuê nhưng không thông báo cho bị đơn là không đúng hợp đồng đã ký kết.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự của những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm.

Về nội dung: Kháng cáo của bị đơn là có cơ sở, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, hủy bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ, lời trình bày của phía nguyên đơn và bị đơn, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết vụ án đúng theo thẩm quyền, xác định tư cách tham gia tố tụng của các đương sự trong vụ án là đúng theo quy định của Pháp luật tố tụng.

[2] Đơn kháng cáo của bị đơn còn trong thời hạn kháng cáo, có hình thức và nội dung đúng quy định nên được chấp nhận.

[3] Về tư cách tham gia tố tụng:

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần ngày 27/3/2002 đăng ký thay đổi lần thứ 22 ngày 28/12/2023 của Sở kế hoạch đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh có cơ sở xác định ông Trần Vĩnh P là đại diện theo pháp luật của Công ty B. Xét Giấy ủy quyền ngày 15/01/2024 của Công ty B là ủy quyền hợp lệ nên ông Bùi Thanh T và/hoặc ông Phạm Trường S có đủ tư cách đại diện nguyên đơn tham gia tố tụng tại Tòa án.

[4] Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ, lời trình bày của các bên đương sự Hội đồng xét xử nhận thấy:

[4.1] Căn cứ Hợp đồng liên doanh liên kết số 02/HĐLDLK ngày 06/01/2006 (gọi tắt là Hợp đồng số 02) giữa Công ty B (Bên B) và Cục C/Tổng Cục C/BQP (Bên A) về việc hợp tác đầu tư kinh doanh tại khu đất H3- Phố V, phường M, quận Đ, Thành phố Hà Nội, thời hạn hợp đồng là 25 năm kể từ ngày có biên bản bàn giao, theo đó việc huy động vốn, tổ chức thi công xây dựng, khai thác kinh doanh theo nội dung hợp đồng này được giao toàn bộ cho Bên B là Công ty B.

[4.2] Căn cứ biên bản giao quyền sử dụng đất số 02/BBG ngày 01/3/2006 giữa Cục C/Tổng Cục C và Công ty B thì Cục C đã bàn giao cho Công ty B mặt bằng khu đất H3- Phố V, phường M, quận Đ, Thành phố Hà Nội có diện tích 197m^2 , kết cấu: tường gạch, mái tôn.

[4.3] Căn cứ hợp đồng kinh tế số 09/HĐKT/2006 ngày 12/8/2006 (gọi tắt là hợp đồng số 09) giữa Công ty B (Bên A) và Công ty TNHH đèn

trang trí PH – (Bên B) (nay là Công ty TNHH RL), thời hạn liên kết là 15 năm, theo đó bên B chịu trách nhiệm đứng ra triển khai hoạt động kinh doanh tại cơ sở vật chất hạ tầng được đầu tư xây dựng tại mặt bằng khu đất H3- Phố V, phường M, quận Đ, Thành phố Hà Nội. Và căn cứ Phụ lục hợp đồng thuê cơ sở hạ tầng số 13/PLHĐ-2009 ngày 01/10/2009 giữa Công ty B và Công ty RL.

Công ty B khởi kiện yêu cầu tuyên Hợp đồng kinh tế số 09/HĐKT/2006 ngày 12/8/2006 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn B và Công ty TNHH RL hết hiệu lực; buộc Công ty TNHH RL phải hoàn trả lại toàn bộ mặt bằng số 257 đường P (H3 V), phường Mi, quận Đ, Thành phố Hà Nội cho Công ty Cổ phần Tập đoàn B và buộc Công ty TNHH RL thực hiện nghĩa vụ thanh toán phí sử dụng cơ sở hạ tầng đến ngày 30/6/2022 và tiền chậm thực hiện nghĩa vụ - HĐXX nhận thấy:

Xét, về hiệu lực của hợp đồng (Hợp đồng số 02 và hợp đồng số 09) thì 02 hợp đồng nêu trên đều do người đủ thẩm quyền giao kết hợp đồng, xuất phát từ sự tự nguyện và không trái quy định của pháp luật phù hợp với Điều 385, Điều 505 Bộ luật Dân sự, nên hợp đồng đã phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

Xét, hợp đồng kinh tế số 09/HĐKT/2006 ngày 12/8/2006 (gọi tắt là hợp đồng số 09) giữa Công ty B (Bên A) và Công ty TNHH đèn trang trí PH – (Bên B) (nay là Công ty TNHH RL) nhận thấy:

Căn cứ khoản 2 Điều 1 hợp đồng số 09 quy định "*Thời hạn liên kết là 15 năm kể từ ngày ký hợp đồng là ngày 12/8/2006*".

Căn cứ khoản 1 Điều 7 hợp đồng số 09 quy định: *"Hợp đồng chấm dứt khi hết thời hạn hoặc hết thời hạn gia hạn*". Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ và lời khai của các bên xác định hai bên có tiến hành ký kết hợp đồng nêu trên và không có ký gia hạn hợp đồng.

Công ty RL cho rằng Công ty B đi khởi kiện là chưa đủ điều kiện khởi kiện vì cho rằng hợp đồng có thời hạn là 15 năm tính từ ngày 12/8/2006 đến hết ngày 12/8/2021 là hết thời hạn. Hợp đồng còn có quy định về thời hạn gia hạn nhưng các bên chưa thực hiện điều khoản này; các bên cam kết chỉ khởi kiện nếu không giải quyết được các vấn đề phát sinh sau 30 ngày và các bên cũng chưa có biên bản gì liên quan đến nội dung thỏa thuận này. Đến ngày 28/6/2022 Công ty B nộp đơn khởi kiện là chưa phù hợp. Mặt khác, Công ty RL cho rằng Công ty B đã tự sử dụng mặt bằng 02 năm trong thời gian hợp đồng còn hiệu lực nên hợp đồng phải được gia hạn đến năm 2023 là phù hợp với thực tế.

Xét, Hợp đồng 09 không có điều khoản nào cho phép bên Công ty RL được cho bên thứ ba thuê lại mặt bằng nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty B. Tại phiên tòa, đại diện bị đơn cũng xác nhận cho Công ty G thuê lại mặt bằng, nhưng lại bị Công ty B yêu cầu Công ty G

ký hợp đồng trực tiếp với Công ty B và tự ý thu tiền thuê mặt bằng trong 02 năm. Tại biên bản kiểm tra ngày 25/8/2017 của Đoàn thanh tra Bộ PH do bị đơn nộp thể hiện công ty G sử dụng tầng 1-3 riêng tầng 4-5 là nơi để làm việc và kho hàng của công ty RL. Tuy nhiên, tại thời điểm công ty G thuê mặt bằng thì bị đơn công ty RL vẫn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Công ty B đã thu tiền thuê mặt bằng từ công ty G và không thu tiền phí sử dụng cơ sở vật chất hạ tầng của bị đơn trong 02 năm này. Do đó, có cơ sở xác định hợp đồng đã hết hạn theo thỏa thuận của các đương sự.

Căn cứ Điều 4 Hợp đồng số 09 quy định quy định:"… *khi chấm dứt hợp đồng thì bên B sẽ bàn giao toàn bộ cơ sở vật chất nguyên hiện trạng lại cho bên A mà không được tính toán để đòi hỏi đền bù hay hỗ /trợ hoàn vốn, hỗ trợ di dời*"

Căn cứ Điều 7.2 đơn phương chấm dứt hợp đồng trước thời hạn quy định: " *Bên A có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng trước thời hạn do bên B sử dụng cơ sở hạ tầng vào việc kinh doanh trái pháp luật hoặc không thanh toán phí sử dụng cơ sở hạ tầng đầy đủ 03 tháng liên tiếp hoặc thanh toán không đúng hạn 06 lần cộng dồn trong thời hạn của hợp đồng cho bên A theo quy định tại Điều 5 của hợp đồng này. Khi đó, bên B sẽ mất toàn bộ khoản tiền đặt cọc và toàn bộ các hạng mục mà bên B đã đầu tư*."

Căn cứ khoản 2 Điều 5 Hợp đồng 09 và Điều 1 Phụ lục hợp đồng xác định: "… giá phân chia lợi nhuận hàng tháng bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 44.000.000 đồng" và căn cứ vào các Công văn nhắc nợ số 01/2021/CV-ĐB ngày 04/3/2021, Công văn 03/CV-ĐB ngày 15/4/2021; Công văn 04/2021/CV-ĐB ngày 17/6/2021 của Công ty B đề nghị Công ty RL thanh toán tiền lợi nhuận; Biên bản làm việc ngày 14/12/2015 Công ty RL xác định còn nợ Công ty B tiền công nợ thuê mặt bằng H3 Phố V- Hà Nội là 1.956.943.800 đồng và Công văn 31/CV-RY.21 ngày 18/3/2021 của Công ty RL cũng xác nhận có công nợ với Công ty B. Như vậy, Công ty RL đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán phí sử dụng cơ sở hạ tầng đầy đủ 03 tháng liên tiếp hoặc thanh toán không đúng hạn 06 lần cộng dồn trong thời hạn của hợp đồng. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của Công ty B là có cơ sở xem xét và giải quyết theo quy định pháp luật.

Căn cứ biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 10/3/2023 của Tòa án nhân dân Quận 10 xác định bị đơn Công ty RL vẫn đang quản lý và sử dụng mặt bằng. Do đó, căn cứ những nhận định nêu trên có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty B về buộc Công ty RL bàn giao mặt bằng theo cam kết Hợp đồng 09.

Đối với yêu cầu buộc Công ty TNHH RL thực hiện nghĩa vụ thanh toán phí sử dụng cơ sở hạ tầng đến ngày 30/6/2022 và tiền chậm thực hiện nghĩa vụ, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Như trên đã nhận định thì Công ty RL đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán phí sử dụng cơ sở hạ tầng cho Công ty B và theo các Công văn nhắc nợ số 01/2021/CV-ĐB ngày 04/3/2021, Công văn 03/CV-ĐB ngày 15/4/2021; Công văn 04/2021/CV-ĐB ngày 17/6/2021 xác định việc đề nghị bị đơn thanh toán tiền phí sử dụng cơ sở hạ tầng và Công văn 31/CV-RY.21 ngày 18/3/2021 của bị đơn cũng xác nhận có công nợ với nguyên đơn. Do đó, có cơ sở xem xét buộc bị đơn thanh toán phí sử dụng cơ sở hạ tầng còn thiếu cho Công ty B.

Công ty RL cho rằng tại khoản 3 Điều 5 của hợp đồng có nêu hai bên thỏa thuận tăng theo tỷ lệ trượt giá hàng năm nhưng thực tế khi Công ty B tăng giá thì không có thỏa thuận với bị đơn. Nhận thấy tại Công văn số 01/2021/CV-ĐB ngày 04/3/2021 của Công ty B gửi Công ty RL có nêu mức tăng giá lợi nhuận tại mặt bằng và Công ty RL không có ý kiến gì cụ thể:

+ Năm 2018: Đơn giá mới: 64.420.000 x 110% = 70.862.440 đồng.

+ Năm 2019: Đơn giá mới: 70.862.440 x 110% = 77.948.684 đồng

+ Năm 2020: Đơn giá mới: 77.948.684 x 110% = 85.743.552 đồng

+ Năm 2021: Đơn giá mới: 85.743.552 x 110% = 94.317.907 đồng.

Bị đơn cũng thừa nhận có thanh toán tiền lợi nhuận cho nguyên đơn nhưng không nhớ cụ thể.

Theo các công văn nhắc nợ, thì tiền lợi nhuận còn thiếu như sau:

- Tiền lợi nhuận tính theo biên bản làm việc ngày 14/12/2015 là 1.956.934.800 đồng – 292.820.000 đồng công ty RL chuyển trả nên công nợ tính đến hết ngày 16/01/2016 = 1.664.114.800 đồng.

- Tiền lợi nhuận không tính từ 01/01/2016 đến hết 01/3/2018.

- Tiền lợi nhuận tính từ 01/4/2018 đến 12/8/2021 là 09 tháng (tháng 4/2018 đến tháng 12/2018) x 70.862.440 đồng/tháng + 12 tháng (tháng 01/2019 đến tháng 12/2019) x 77.948.684 đồng/tháng + 12 tháng (tháng 01/2020 đến tháng 12/2020) x 85.743.552 đồng/tháng + 07 tháng (tháng 01/2021 đến tháng 07/2021) x 94.317.907 đồng/tháng + 12 ngày (01/8/2021 đến ngày 12/8/2021) x 3.042.513 đồng = 3.298.804.299 đồng – 1.000.000.000 đồng công ty RL chuyển trả = 2.298.804.299 đồng.

- Tiền lợi nhuận tính từ 13/8/2021 đến 8/9/2023 là: 57.807.749 đồng (tháng 8/2021) + 24 tháng x 94.317.907 đồng/tháng + 08 ngày (01/9/2023 đến 08/9/2023) x 3.143.930đồng/ngày = 2.346.588.959 đồng

Tổng số tiền phí sử dụng cơ sở vật chất, hạ tầng là 6.309.508.058 đồng.

Xét tại Hợp đồng các bên không thỏa thuận việc trả lãi đối với số tiền vi phạm nghĩa vụ. Căn cứ Điều 306 Luật Thương mại quy định "Trường hợp bên

vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác". Như vậy, có cơ sở áp dụng yêu cầu bị đơn trả tiền chậm thực hiện nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Căn cứ vào quá trình thực hiện nghĩa vụ thanh toán của Công ty RL cho thấy việc vi phạm nghĩa vụ thanh toán đã kéo dài từ năm 2013 đến nay. Công ty B đề nghị được tính lãi đối với phần nghĩa vụ chậm thanh toán của Công ty RL từ ngày 01/4/2018 với mức lãi suất 9%/năm. Nhận thấy mức lãi suất do pháp luật quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự thấp nhất là 10%/năm, theo quy định Điều 306 luật thương mại là lãi suất quá hạn trung bình trên thị trường như vậy việc nguyên đơn đề nghị áp dụng mức lãi chậm trả là có lợi cho bị đơn nên ghi nhận. Số tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ tính từ 01/4/2018 đến 08/9/2023 là 1.892.884.952 đồng.

Xét, Công ty RL kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của Bị đơn, hủy bản án sơ thẩm do cấp sơ thẩm không triệu tập Bộ PH vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là thiếu sót- HĐXX nhận thấy:

Ngày 16/02/2023 Cục C/Tổng Cục C có Văn bản số 263/HC-TMKH gửi Tòa án Quận 10 thể hiện: "*Quá trình triển khai thực hiện hợp đồng trên, Công ty B đã hợp tác với bên thứ 3 là Công ty RL thông qua hợp đồng kinh tế số 09/HĐKT/2006 ngày 12/8/2006. Khi xảy ra tranh chấp với Công ty RL, Công ty B có Văn bản số 367/2022/CV-ĐB ngày 11/5/2022 gửi Công ty RL (nơi nhận có Cục C/ Tổng Cục C) thể hiện nội dung tranh chấp trong hợp đồng số 09 liên quan đến quyền và lợi ích 02 bên. Cục C/TCHC là bên có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng không có quan hệ trực tiếp với Công ty RL. Do vậy, Cục C không giải quyết các nội dung tranh chấp của 02 bên*". Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xét thấy không cần thiết phải triệu tập Cục C/Tổng Cục C vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, Tòa án cấp phúc thẩm xét thấy không cần thiết triệu tập Bộ PH vào tham gia tố tụng trong vụ án này với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vì trong vụ án này chỉ giải quyết tranh chấp hợp đồng số 09 giữa Công ty B và Công ty RL còn hợp đồng số 02 giữa Công ty B và Cục C/Tổng Cục C các bên vẫn đang thực hiện, không có tranh chấp. Do vậy, không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của Công ty RL. Tòa án cấp sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty B là có căn cứ.

Tại cấp phúc thẩm, Công ty RL trình bày ý kiến kháng cáo cho rằng đại diện Công ty B có thỏa thuận bồi thường thiệt hại tạm tính khoảng 10 tỷ đồng cho Công ty RL nhưng đến nay Công ty B vẫn không thực hiện. Xét, tại cấp sơ thẩm Công ty RL không có yêu cầu phản tố giải quyết

trong vụ án này vì Thanh tra Bộ PH đang xem xét đơn của bị đơn, do vậy dành quyền khởi kiện trong vụ án khác khi Công ty RL có yêu cầu.

Tại phiên tòa, Công ty RL cũng không xuất trình được chứng cứ gì khác để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo, do vậy không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của Công ty RL.

[5] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị chấp nhận kháng cáo của bị đơn hủy bản án sơ thẩm, đề nghị này của đại diện Viện kiểm sát là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không chấp nhận.

[6] Tại phần quyết định của bản án sơ thẩm tuyên xử "Tiền lợi nhuận vẫn tiếp tục tính cho đến khi Công ty TNHH RL bàn giao mặt bằng cho Công ty Cổ phần Tập đoàn B" là chưa chính xác nên cấp phúc thẩm điều chỉnh lại cho phù hợp với hợp đồng mà 02 bên đã ký kết.

[7] Đối với các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên đã phát sinh hiệu lực pháp luật.

[8] Về án phí phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của Công ty RL không được chấp nhận nên Công ty RL phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự,

Căn Điều 385 Điều 505 Bộ luật Dân sự 2015 cùng các Điều luật đã viện dẫn;

Căn cứ Điều 306 Luật Thương mại;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Bị đơn Công ty TNHH RL.

Giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 61/2023/KDTM-ST ngày 08/9/2023 của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh:

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

[1.1] Chấm dứt Hợp đồng kinh tế số 09/HĐKT/2006 ngày 12/8/2006 ký giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn B và Công ty TNHH RL.

[1.2] Công ty TNHH RL thanh toán cho Công ty Cổ phần Tập đoàn B số tiền phí sử dụng cơ sở vật chất, hạ tầng còn thiếu là 6.309.508.058 đồng và tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ là 1.892.884.952 đồng. Tổng cộng là 8.202.393.010 đồng (Tám tỷ hai trăm lẻ hai triệu ba trăm chín mươi ba ngàn không trăm mười đồng).

Thi hành ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, tại Cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành chưa thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất 9%/năm tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

[1.3] Công ty TNHH RL có trách nhiệm bàn giao ngay toàn bộ mặt bằng số 257 đường P (H3 V), phường Mi, quận Đ, Thành phố Hà Nội cho Công ty Cổ phần Tập đoàn B.

- Phí sử dụng cơ sở vật chất, hạ tầng vẫn tiếp tục tính cho đến khi Công ty TNHH RL bàn giao mặt bằng cho Công ty Cổ phần Tập đoàn B.

[2] Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần Tập đoàn B đối với số tiền cọc 480.000.000 đồng.

[3] Duy trì Quyết định áp dụng khẩn cấp tạm thời số 02/2023/QĐ-BPKCTT ngày 24/3/2023 của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

[4] Về án phí:

[4.1] Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Công ty TNHH RL chịu án phí 116.202.393 đồng.

- Công ty Cổ phần Tập đoàn B không phải chịu án phí. Hoàn lại cho Công ty Cổ phần Tập đoàn B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 57.737.461 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0018988 ngày 05/10/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

[4.2] Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:

Công ty TNHH RL phải chịu số tiền là 2.000.000 (hai triệu) đồng, được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0035340 ngày 20/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TANDTC;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Q.10;
- Chi cục THADS Q.10;
- Cục THADS TP.Hồ Chí Minh
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Thị Thanh Tú